

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Bà Nguyễn Thị Phụng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2020/HNGĐ-ST ngày 15/5/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1989; (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Kim Ph, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông N và bà Ph tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 11/8/2017, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu. Đến tháng 3/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không quan tâm lo lắng cho nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Mặc dù ông N đã nhiều lần gọi điện liên lạc khuyên vợ trở về cùng nhau chung sống, nuôi dạy con cái nhưng bà Ph không đồng ý. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông N đề nghị Tòa án được ly hôn với bà Ph.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 02/02/2018, hiện tại đang sống với ông N tại thôn

7, xã L. Khi ly hôn, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Bùi Thị Kim Ph trình bày*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Ph đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện bà Bùi Thị Kim Ph có nơi đăng ký thường trú tại Thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị Kim Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông N và bà Ph có tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước ngày 11/8/2017. Xét thấy hôn nhân giữa ông N và bà Ph là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa ông N và bà Ph là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của ông N và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm lo lắng cho nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Tòa án đã thông báo về việc thu lý vụ án nhưng bà Ph không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của ông N cũng như trình bày về tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân

của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cả ông N, bà Ph đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông N được ly hôn với bà Ph là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 02/02/2018. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Thanh N được ly hôn với bà Bùi Thị Kim Ph.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh N và bà Bùi Thị Kim Ph chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về việc con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011660, quyển số 0234, ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Tấn Trường

